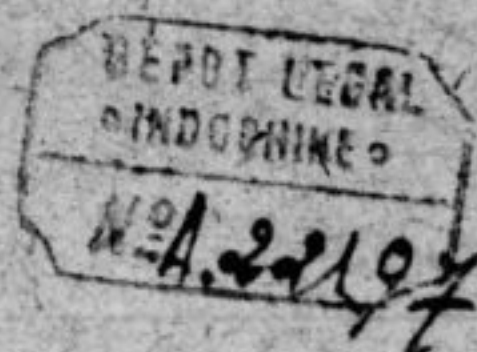


ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS.

Giám-đốc : HỒ-VĂN TRUNG *



MỤC LỤC

- 1— Đạo « Kim-Ai » của Mặc-Tử THIẾU-SON
- 2— IL.— Tiểu sử Nguyễn văn-Thoại NGẠC-XUYỀN
- 3— Bước đầu kinh tế học :
 Gởi bằng và chỉ phiếu LÊ-CHÍ-THIỆP
- 4— « Tự tình khúc » PHAN HUY CHUYỀN
- 5— Giúp việc đại tang nghĩa : Bà Tử-Đủ . . THƯỢNG-TÂN-THỊ
- 6— Âu-châu lịch-sử đại quan : III, Cờ Hy-Lạp. QUANG-PHONG
- 7— « Rương vàng của con tôi » (tiếp theo) TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG
- 8— Ai-tình Miến (tiểu thuyết) HỒ BIỂU-CHÁNH



Bao-quan : 5, dương Reims, Saigon — Gia số này : 0 \$ 40

ĐẠO « KIÊM-ÁI »

CỦA MẶC-TỬ

Ô NG Ngô-tất-Tổ đã xuất bản được hai cuốn sách giá trị và hữu ích là những cuốn Lão-Tử và Mặc-Tử.

Tuy đã có lần phê bình gắt gao bộ Nho-giáo của ông Trần-trọng-Kim, nhưng đối với chúng tôi thì ông Ngô-tất-Tổ coi như đã tiếp tục cho cái công việc của nhà học - giả họ Trần.

Bộ Nho-giáo là một công trình vĩ đại, song nho học chưa phải là hết thấy cái học thuật của Trung hoa.

Đồng thời với Khổng Tử còn Lão-Tử và Mặc Tử, một người sanh trước, một người sanh sau, mà đều là những tinh thần siêu việt không hòa đồng được với những tư tưởng của nho gia.

Sách chép hồi niên-thiếu đức Khổng Tử có tìm đến yết kiến Lão-Tử để hỏi về lễ và, sau đó, ngài có nói với đồ đệ của ngài rằng :

« Chim thì ta biết nó bay được, cá thì ta biết nó lội được, « giống thú thì ta biết nó chạy được. Chạy, bay, lội, ta có thể « chăng lưới mà bắt được, đến như con rồng thì ta không biết « nó cỡi gió, cỡi mây bay lên trời lúc nào. Ta thấy Lão-Tử « như con rồng vậy »

Con rồng đó đưa tư tưởng người ta lên cao quá, làm cho người ta có thể quên cả chức vụ làm người. Nhà nho sợ nên « kính nhi viễn chi ».

Tôi như đạo kiêm-ái của Mặc-Tử mà nhà nho đã không tán thành lại nặng lời mạt sát là nghĩa làm sao ?

Mạnh-Tử cho kiêm-ái là « vô-phụ » là « cầm-thú » vì hễ yêu hết thấy mọi người như nhau thì người dưng cũng coi được như cha mình và sẽ làm điên đảo trật tự, rối loạn cương thường.

Bắt đầu từ nhà Hán nho học được công nhận chánh thức mà các học phái khác đều bị truất bỏ nên mai một lần lần không phát triển được.

Tới khi nước Tàu được tiếp xúc với văn hóa Âu-Tây, học giả Tàu mới đề tâm nghiên cứu nền cổ học nước mình và mới phục sinh lại được những tư tưởng đã bị đè ép trong hoàn cảnh và chìm đắm ở thời gian.

Theo họ thì Nho-học chưa hẳn đã là hoàn-toàn, nhưng nếu nó được Lão-học đưa nó lên cao hơn nữa, Mặc-học kéo nó đi rộng hơn nữa thì nó càng thêm giá-trị và bổ ích cho loài người biết bao nhiêu.

Theo học thuyết nho-gia thì tình có thân, sơ, nghĩa có lớn, nhỏ, phải đi từ chỗ gần tới chỗ xa, từ chỗ hẹp ra chỗ rộng.

Nhưng Mặc-Tử muốn coi chuyện thiên hạ như chuyện của nhà mình, suốt đời «mòn trán» «lổ gót» can thiệp vào những cuộc xung-đột của người ta, và luôn luôn khuyến khích tình tương thân tương-ái giữa mọi người.

Ông Ngô-tất-Tổ có chép chuyện sau này :

Khi Công-thâu Ban chế giúp nước Sở một cái thang máy đã xong, sắp đem ra đánh nước Tống. Mặc-Tử nghe tin khởi hành từ nước Tề, đi luôn mười ngày mười đêm tới kinh đô nước Sở vào ra mắt Công-thâu Ban để can việc đó. Công-thâu Ban lại đưa Mặc-Tử vào yết kiến vua Sở. Vua Sở cũng bị Mặc-Tử nói cho phải phục bèn thôi việc đánh nước Tống.

Đáng tức cười là Công-thâu Ban chính lần đặt máy đánh thành nước Tống, Mặc-Tử chín lần chống cự. Các máy của Công-Thâu Ban đã hết, nhưng sức chống cự của Mặc-Tử vẫn còn.

Trang-Tử ngợi khen Mặc-Tử rằng :

« Mặc-Tử là người lốt ở găm trời vậy. Muốn tìm không thể được. Dầu cho khô héo cũng không thể bỏ được. Thật là tài sĩ vậy »

Hồ-Thích phê bình Mặc-Tử rằng : « Mòn trán, lổ gót cái gì lợi cho thiên hạ thì làm, như Mặc-Tử trong lịch-sử nước Tần không thể có một người thứ hai ».

Mặc-Tử không phải chỉ rình đi can người ta cho họ khỏi đánh giết lẫn nhau. Đó chỉ là nhữn; việc thực hành.

Mặc-Tử còn xướng mình cả một cái học thuyết lấy đạo kiêm ái làm căn bản.

Ta hãy nghe ông nói :

« Thầy thuốc chữa bệnh người ta phải biết bệnh ở đâu ra thì mới chữa được. Những kẻ chữa loạn sao lại không thế ?
« Thánh-nhân làm việc cai trị không thể không xét loạn ở đâu ra. Thử xét loạn ở đâu ra ? Ở chỗ không biết yêu nhau mà ra cả... »

Ông còn nói :

« Nếu như thiên hạ gồm yêu nhau, nước nọ với nước kia không đánh lẫn nhau, nhà nọ với nhà kia không làm loạn nhau, trận giặc không có, vua tôi, cha con đều hiếu từ, như

« thể thì thiên hạ trị. Cho nên thánh nhân làm việc cai trị thiên hạ, không thể không cấm chỉ sự ghét nhau và khuyến khích « sự yêu nhau ». »

Nghe những lời đó ta chớ vội chê Mặc-Tử nói ra những việc khó thực hành. Ông tổ đạo « kiêm-ái » còn đề xướng ra những tư tưởng xã-hội đã làm cho chúng ta phải kinh ngạc.

Ông xướng ra thuyết « Thượng-hiền » bảo nhà chánh trị phải dùng người cho xứng đức xứng tài, thuyết « triết dụng » bảo họ phải cần kiệm để dân chúng được ấm no xung túc, thuyết « thượng đồng » để thống nhất tư tưởng cho trên thuận dưới hòa, cùng sống chung trong tình tương ái.

Nghịch với nhà nho, ông khuyên người ta nên « tiết-tàng » nghĩa là lần tiện trong việc chôn cất, « đoãn tang » nghĩa là thân bớt thời kỳ chịu tang để có ngày giờ làm việc, « phi-nhạc » nghĩa là bỏ đàn địch vai chơi để tâm lo nghĩ vào những việc quan trọng.

Mặc-Tử là một đời khổ hạnh nên ông không cần âm - nhạc để di dưỡng tánh tình, đó là điều người ta không tán đồng ý kiến với ông, nhưng học giả đời nay phần nhiều đều công nhận những tư tưởng xã-hội của ông là sáng suốt và chí-í.

Thời đại của ông là một thời hỗn loạn, ông muốn cải tạo hoàn cảnh để cứu vớt loài người.

Nhưng ông bảo người ta yêu nhau, mà người ta cứ ghét nhau ông bảo người ta phải giúp đỡ nhau, mà người ta cứ tàn sát nhau.

Ông nêu lên một lý-tưởng hòa bình giữa trời thiên hạ đương sống trong khói lửa.

Trong muôn người họa có một người chịu nghe ông. Trong những người chịu nghe ông, vì tất cả có kẻ trung thành với ông được mãi mãi.

Cái bản sắc nhân loại là thế đó !

Trên thế gian có một số rất ít người siêu-dã nhưng vẫn có. Trong hạng lục lục phẩm như chúng ta thìh thoảng cũng có những giờ phút linh - thiêng mà ta cảm thấy ông ta cao thượng.

Cái tâm-trạng đẹp đẽ đó ở ta là cả cái tâm-hồn của hạng người siêu đẳng.

Nhưng tâm trạng có đó rồi mất đó, mà tâm-hồn thì cô-kết ở người.

Tâm hồn Mặc-Tử chứa đầy tình nhân loại, cũng như tâm-hồn Thích-Ca không quên đạo từ-bi, tâm hồn Gia-Tô với chủ nghĩa bác-ái.

Chúng ta như những kẻ lữ hành ở trên một con đường hắc ám, nhưng mỗi khi cao bừng, ngưng dầu lên, ta vẫn còn được thấy những ngôi sao trong sáng nó làm sáng lòng ta.

Vậy thì những chủ nghĩa kiêm-ái, đại-đồng, dầu chưa thực hiện ở nhân-gian nhưng vẫn phải kể là những lý-lưỡng xứng đáng của loài người.

Hồ-Thích nói trong lịch sử nước Tàu không thể có được một người thứ hai như Mặc-Tử, chỉ nghĩa là tư-tưởng của Mặc-Tử rộng-rãi và siêu-việt hơn tư-tưởng của Nho-gia.

Mang tiếng là hấp thụ văn hóa của Tàu mà chỉ biết có nho giáo là một điều thiếu sót.

Bởi lẽ đó mà ta cần phải hoan nghinh những bộ sách như những bộ Lão-Tử và Mặc-Tử của ông Ngô-Tất-Tố.

Nếu cần phải kiểm soát lại công việc của ông thì có những nhà bác học thâm nho.

Phần riêng tôi xin thành thật cảm ơn người đã cho tôi biết thêm những điều tôi muốn biết.

THIẾU-SƠN



CẦN lao là phần của con người trên thế, con người phải lãnh nó, vì một sự cần không thể tránh.

Quốc-trưởng PÉTAIN

Thương dân chớ không nịnh dân.

II.— TIỂU-SỬ

NGUYỄN-VĂN-THOẠI

(THUY) — (1761-1829)

« Nguyễn-văn-Thoại là người quê ở Diên-phước, trấn Quảng-Nam (6)

« Năm Đinh-dậu 1777), ông theo phò Chúa Nguyễn (7)

« Năm Giáp-thìn (1784) ông theo đức Cao-hoàng sang Vọng-các (Xiêm), sau trở về tòng quân đánh giặc Tây-sơn. Lần lược ông được thăng lên các chức võ quan : Tiền-quân-dinh Trang-chi Phó-trưởng-hiệu, Khâm-sai Cai-cơ Chấn-võ dinh Tiền-du-hiệu, và Khâm-sai Thống-binh Cai cơ quản thủ đồn Long-Hung (8).

« Năm Nhâm-tý (1791), cùng với Nguyễn-tấn-Lượng, ông phụng mạng đi sứ qua Xiêm. Lúc trở về gặp quân cướp biển Đồ-bà (Chà-và) tại đảo Du-lung. Đánh với quân cướp ông chém được hơn 30 thủ cấp, bắt sống được hai tướng và lấy được một chiếc thuyền. Nhờ công ấy ông được thưởng một bộ chiến-y, hai trăm quan tiền và thọ chức Trung-thủy-dinh Phó-tiền-chi (9), cai quản đạo Thanh-châu (10). Kế lại lãnh mạng đi sang Xiêm mật thám. Trở về được bổ sang chức Tiền - thủy-dinh Phó tiền-chi, cai quản Nội-chi hải - đạo thuyền. Rồi lại phụng mạng đi sứ sang Xiêm lần thứ tư, trở về được thăng chức Trung-thủy-dinh Chánh-tiền-chi, cai quản đạo Thanh-châu.

6 Do theo Gia-phổ nhà ông Nguyễn khắc Ngọ thì Nguyễn văn Thoại sanh năm Tân-tý (1761). Song thân ông là Nguyễn văn Lượng được truy tặng « Anh dũng tướng quân khinh xa đô úy thần sách võ úy Nguyễn hầu » và Nguyễn thị Tuyết truy tặng « Thục nhân » (chiêu vua Minh Mạng năm thứ 3 (1822) tháng bảy ngày 21 . Mộ cụ bà hiện nay còn tại làng Thái bình (Cù lao Dài) trên mộ chỉ có biên ca tước truy tặng

(7) Lúc bấy giờ ông chỉ là một trẻ thiếu niên mới 16 tuổi đầu.

(8) Do theo Thực lục thế kỷ năm Tân hợi (1791), tháng ba, Nguyễn vương sai Thoại thủ hải khẩu Tắc kỹ, tức là Cửa Lấp (Bà Rịa bên hữu Cap Saint Jacques), sau đổi tên là Long hưng堡.

(9) (10) Binh bộ, binh thủy, thời Nguyễn-vương chia ra làm 5 dinh. Binh bộ, mỗi dinh có 3 chi, mỗi chi có 3 hiệu, mỗi hiệu có 3 đội, mỗi đội có 4 thập

«Chi» thì tri Chánh, Phó trưởng chi ; «Hiệu» Chánh, Phó trưởng hiệu. «Đội» tri Cai đội «Thập» tri Đội trưởng.

Bên thủy thì mỗi dinh có 5 chi, mỗi chi có 3 hiệu, mỗi hiệu 3 đội, mỗi đội 5 thập.

« Năm Mậu-nhũ (1798), giữ chức cũ, ông lại kiêm chức Phó quân : giữ thủy dinh, theo ông Bảo hộ Nguyễn văn-Nhân sang Xiêm lần thứ 5, cùng lo nhung-vụ. Lúc về, được vua Xiêm ban cấp giấy thông hành đi ngỏ Thượng-du. Về yết kiến đức Cao-hoàng, tâu lên tư sự được phong chức Khâm sai thượng đạo Đại-tướng quân.

« Đức Cao-hoàng có lời dụ rằng : «Phàm việc dụng binh, có lúc không nên hồ đồ giả trá, chính phải tùy cơ mà hành động. Khanh đến đất Vạn - tượng nên đồn tin rằng : binh Xiêm và binh ta do theo đường thượng - du tới lấy Nghệ - An, khiến quân giặc kinh sợ, không dám rút cả binh Bắc - hà nhập viện ; tất nhiên Qui-Nhơn thành cô, sớm chiều dễ phá. Thế cũng như xưa Hán-cao-tổ cầm giữ Hạng-Vô một nơi mấy tháng trường, đó là phương sách vạn toàn vậy ! Đức Cao-hoàng ban thưởng áo mào, bốn trăm quan tiền, một ngàn bạc ngoại quốc. Thoại nhờ người Cao-miên dắt đường, đi từ Tầm-bồng qua Khu-khương (11), tới U-bôn, bọn thổ-tù Miên đều theo ủng mạng.

« Năm Kỷ-mùi (1799) Thoại tới thành Viên-chân (Vientiane), vua Vạn-tượng tiếp rước rất hậu, hẹn ra binh trợ lực. Ông sai Tham-quân Lê-văn-Xuân trở về báo tin, lại ra lệnh cho Tham-mưu Nguyễn-quải-Châu, Nguyễn-văn-Uân đi khuyến dụ các Mau-sách vùng Trấn-ninh, Thanh-Nghệ cùng theo mạng lệnh.

« Năm Canh thân (1800) ông từ Vạn-tượng về mặt lầu các đều binh sự. Nhơn đó được thọ chức Khâm-sai thượng-đạo Bình-Tây tướng-quân, và vâng mạng tới hội binh Vạn tượng xuống công phá Nghệ-an. Quân Tây-sơn đại bại : Đô đốc Nguyễn-danh-Lạc, Phó-mã Nguyễn-văn-Trị rút binh cả chạy. Thoại khiến người dâng biểu tâu công. Đức Cao-hoàng ban chiếu ngợi khen.

« Kể đó từ Vạn-tượng, Thoại trở về Gia-định. Thấy Thoại về mà không đợi chỉ triệu, đức Cao-hoàng ra lệnh nghiêm khiển, giáng xuống chức Cai-đội lãnh quân suất đạo Thanh Châu.

« Gia-long năm đầu (1802), ông được lần lượt thăng lên Khâm-sai Thông-binh Cai-cơ, rồi Chưởng-cơ và cai quản đạo binh lưu thủ Bắc-thành coi lo nhung vụ

« Sau được bổ làm Trấn thủ Lạng-sơn. Kể có chỉ triệu về Kinh-sư rồi lãnh chức Trấn thủ Định-tướng. Nhơn có việc dân Cao-miên phiến động, ông tới dinh La bích chiêu dụ dân tâu, rồi quân suất biên binh bảo hộ Cao-miên

(11) Tầm bồng Chân lập là dân.

« Chánh sách ông ở Cao miên rất chuyên quyết, nên vua Miên phải lằm đều bó buộc, khắp dân sự tỏ lòng khiếp sợ.

« Được tin ấy, vua Gia-Long có lời dụ rằng : «Phàm việc quốc-sự đề vua Miên phân xử, chỉ có chương sớ, công văn mới duyệt lại tình-tướng có tham-ước chỉ, rồi phát đệ ngay ; như vậy mới hiệp sự thể ». Kế có chỉ triệu về Kinh

« Năm Gia-Long thứ 16 (1817), ông lãnh mạng trấn-thủ Vĩnh-thanh.

« Năm thứ 17 (1818), suất binh đào kinh Đông-xuyên (nay là kinh Long xuyên Rachgia) Kinh đào xong được tứ danh là Thoại-hà ; bên bờ kinh có núi Sập, núi cũng được đặt tên là Thoại-sơn, để biếu dương công lao của Thoại.

« Sau đó, được thụ chức Khâm-sai Thông-chế, lãnh trách vụ Bảo hộ xứ Cao miên.

« Năm thứ 18 (1819), lãnh lại chức Trấn thủ Vĩnh thanh, đốc suất binh dân đào kinh Vĩnh tế

« Minh Mạng năm đầu (1820), có thầy sãi Miên tên Kế làm loạn, đánh chiếm thành Namvang.. Thoại cùng Ng-văn-Tri dẫn binh tới Cà-bôn thì gặp giặc và phá tan quân chúng nó tại đó lại bắt sống được Kế ! Từ đó xứ Chơn-lạp được bình định.

« Minh Mạng năm thứ hai (1821), ông lãnh chức Bảo-hộ nước Cao-miê , kiêm việc phòng thủ biên giới Hà-tiên và trấn thủ đồn Châu-đốc.

« Năm thứ ba (1822) tại Namvang ông trù biện về việc biên cương, không được thỏa hiệp với vua Cao-miên, bèn xin giãi chức. Vua Minh-Mạng nghe rõ tự sự, giáng dụ cầm ở lại Cao-miên và ban thưởng ba cây gấm vóc.

« Năm thứ tư (1823), hiệp với quan Thông-chế Trần-công-Lại (12), đốc công vét kinh Vĩnh-tế

« Năm thứ năm (1824), vua Cao-miên gởi thư cho Thoại tỏ rằng : « Nước Cao-Miên, từ tổ tiên tới con cháu, vẫn chịu làm nước phiên thuộc. Trên có Triều-đình phong thực, che chở hơn dân, dưới có Thoại-hầu trước sau Bảo-hộ, tình-nạn Xiêm-la, bình loạn Sãi Kế ; công lao so sánh với Mạc-thiên-Tích thật hơn thập bội. Nên xin cắt đất ba phủ : Lợi-cà-bác Chơn-sum

(12) Trần công Lại người Thanh hóa ngụ Vĩnh bình, Vĩnh long. Giúp Nguyễn vương làm tới chức Đô thống chế. Từng làm Trấn thủ Sơn trâm ba Nghệ an Thanh hóa, Vĩnh long. Khi ở Vĩnh long có công giúp việc đào kinh Vĩnh tế. Mất năm Minh Mạng thứ năm : 1824. Mộ hiện còn tại Cái nhum Vĩnh long.

Mật-luật đề báo ơn Thoại-hầu cũng như xưa kia báo ơn Thiên-Tích». Thoại đệ thơ về Giadih. Vua được tin, sau cuộc đình nghị, ra lệnh cho Thoại nhận lãnh hai phủ Chân-sum và Mật Luật.

Lúc bấy giờ kinh Vĩnh-tế vét xong, Vua tùy công Thoại và những người cộng tác, mà ban hàng lụa, bạc tiền.

Năm thứ tám (1827), ông xin mộ dân lập thành các đội ở Châuđộc.

Năm thứ mười (1829), ông mất (13), được tặng Đô thống, gia thưởng 1000 quan tiền, năm cây găm, mười cây lụa, ba mươi cây vải.

Con ông là Lâm được thọ ẩm làm Ky-úy.

Ông có tình tri ngộ với Đức Cao-hoàng, theo phò tạn tâm, bốn lần miền thượng du, đi đi, lại lại, Xiêm, Lào, Chơn - lap. thật là dày công-lao vậy.

Sau khi ông mất, có tên Võ-Du, làm chức Hình-tào, tố cáo đời tư của ông, cho rằng những nhiều dân gian nhiều khoản.

Vua giao vụ ấy cho họ Hình tra xét. Ân hạnh, ông bị giáng tước hàm xuống ngũ phẩm, đoạt lại ẩm tước của con, và tịch thu cả gia-tài sự sản, đem truy cấp cho thổ-dân.

Sau xét lại thì lời tố cáo ấy thất thiệt. Đa bị cách chức và đày đi Cam lộ (Quảng-bình).

Đọc xong tiểu sử của Nguyễn - hầu, tiểu - sử do Quốc-sử-quán biên thuật, nếu chúng ta lấy bình tình xét đoán thì càng khoản khoản, ngưỡng mộ khoảng đời sống đầy danh - dự của ngài bao nhiêu chúng ta càng thương xót ngậm ngùi khoảng đời sau khi ngài quá cố bấy nhiêu !

Kìa, trọn 52 năm dài dằng dẳng, từ lúc 16 tuổi đầu, bước từ nấc thang tiểu tới bậc Đô-thống, từ cai quản đồn Long hưng còn con tới việc trấn thủ Vĩnh thanh, kiêm cả Hàtiên Châuđộc và bảo hộ cả Cao miên quốc, từ địa vị tiểu tướng vô danh, tới tước Hầu, thêm tên chồng tên vợ đều được Vua ban từ cho núi, cho sông, đề kỷ niệm công nghiệp vẻ vang đối với nước nhà.

Nhơn việc lấy tên người đặt tên núi, tên sông, xét ra trong lịch sử nước nhà thật là một điều mới lạ.

Hoàng ân cao rộng đối với công-nghiệp của Nguyễn-hầu thật là xứng đáng. Chính trong bi ký ngài mãi nhắc nhở tới ân đức nhà vua.

Nhưng đó là khoảng đời sông của ngài.

(13) Thọ được 69 tuổi.

Đọc đoạn cuối cùng trong tiểu sử, chúng ta bắt đầu lòng trông thấy vết lộ mà kẻ nha thuộc bôi lên danh dự của ngài. Chúng ta bắt ngậm ngùi bởi tưởng lại công nghiệp vĩ đại của ngài, mà khi quá cố, bị kẻ tiểu nhân cáo gian, không được đăng Chí tôn soi xét; rồi tự hỏi: «Oan hồn ngài có ngậm tức tự chốn tuyền đài chăng?».

Mặc dầu sử sách đã ghi rành rành «lời tố cáo thất thiệt», mặc dầu đưa tiểu nhân Võ-Du bị dày ra Cam lộ, nhưng việc đoạt tập ấm, tịch thân gia tài đã thi hành trước kia, vẫn không thấy lệnh trên sửa đổi điều chi để bỏ lại chỗ nghị án sai lầm và nghiêm khắc của bộ Hình!

Thành ra mỗi cảm hận ấy thâm niên kết tinh lại trong đầu óc đoàn tử tôn của bậc danh thần.

Bằng có là lúc tiếp chuyện với ông Hương-bái Nguyễn-khắc Dụ ở Cù-lao Đài, chúng tôi bắt để ý tới lòng phẫn uất của ông lộ ra trong lời nói, mặc dầu việc hàm oan đã trải qua hơn một trăm năm!

Ông nhắc nào là ông cha ông trước kia vì hực lực mà không tránh khỏi việc can dự vào loạn Ngụy-Khôi chống với triều Minh Mạng, nào là cảnh hàn vi của ông ngày nay cũng vì nỗi hàm oan trước đó.

Thật trông thấy tình cảnh mà thương hại! Tuổi cao ngoài lục tuần, ở một túp nhà lá trống trước, trống sau, ông Dụ, sau khi tỏ nỗi lòng uất ức, đứng phắt dậy như cái máy, chạy ngay tại khuôn bếp, vội vã lấy bó mo treo trên giàn, đóng đầy bụi bặm, trình trịnh mở ra trao cho chúng tôi xem mấy tờ giấy bạch, tuy vật cũ kỹ vô tri vô giác, nhưng nó linh động làm sao! Nó làm sống lại bao nhiêu linh hồn quá cố từ thế kỷ trước kia, nó bày ra sờ sờ trước mắt cái mối hàm oan mà sức căng của thời gian đã chôn vùi trong béc ký ức u ám của nhân loại!

Đó là tờ cũ làng Thái bình, tổng Bình qui, huyện Vĩnh bình, phủ Định viễn (Vĩnh long) lập ra năm Minh Mạng thứ 13 (1832) tháng tám, ngày mùng mười, có tám người hương chức đứng, từ Lý trưởng. Câu đương tới Ấp mục Cai tổng nhận thiết do lệnh quan chiếu giá phát mãi gia tài «cổ Nguyễn văn Thoại» một sở sơn điền, bán cho Tú tài Huỳnh tăng Quang giá bạc là 650 quan. Đọc tờ phát mãi; chúng ta bắt để ý tới mấy chữ trợ trợ: «cổ Nguyễn văn Thoại» không hai một chức tước nào cả!

Thế sự thăng trầm, như tình lãnh oán Như tình hồ hãn, cho tôi non sông đất Đông Xuyên Châu được từ danh là Thoại sơn, Thoại-hà, Vĩnh tế sơn, mà hỏi thử trong dân gian còn ai biết tới mấy tên ấy ? Hỏi ai còn để ý tới bia đá dựng tại triền non ? Hay lại như miệng thế nhân chỉ truyền nhau mấy tiếng nôm na : « Kinh Longxuyên », « núi Sập », « núi Sam ? »

May sao tên Châu-thị-Tế còn hân hạnh được sống mãi với kinh Vĩnh-tế và thời gian. Nhưng sự thật chưa cay bắt chúng ta than thở : Nếu không nhắc lại bài ký « Vĩnh-tế-sơn », thì biết bao nhiêu đồng bào của Châu phu như nghe hay đọc tới tên Vĩnh tế, có khác nào nghe hay đọc một cách thần thiên tên sông Mekong hay sông Seine chẳng hạn ?

May sao linh hồn Thoại ngọc Hầu (nếu linh hồn ngài bất diệt) hoặc được an ủi là trông thấy lòng cao thượng của quan Toàn quyền Đông-pháp khi tới cung chiêm miếu mộ năm vừa qua, hoặc tự an ủi với ý nghĩ hay mộng tưởng của ngài ghi rành rành trong đoạn kết bài ký « Vĩnh tế sơn lộ kiều lương ».

« ... Mong một ngày kia, người tới trấn nhậm nơi đây thấy dấu tích còn lại sẽ nhớ tới lời của Vương châu : « Việc kiều lương mà không tu chỉnh là lỗi tự các quan Thứ-sử »...

Và đoạn kết :

« Miền tránh được miệng thế chê cười là kẻ giúp người trên sông Trăng, sông Vĩnh (14).

(14) Do nơi tích thầy Tử Sản làm quan hay thương xót tới cảnh khổ của dân. Một bữa thầy đi xe tới sông Trăng sông Vĩnh thấy người người qua sông khổ cực, thầy ra lệnh vớt xe xuống sông, gọi là giúp đỡ người. Thầy Mạnh Tử cười cữ chỉ ấy là « huệ nhi bất tri vị chánh » (Làm ơn mọn mà cố gắng biết làm điều đại thế chánh sự.

Tiểu-thuyết « ĐOẠN TÌNH »

Tiểu-thuyết « Ái-tình miếu » còn kỳ này thì dư. Bắt đầu từ kỳ tới, « Đại-Việt » sẽ đăng bộ tiểu-thuyết mới « Đoạn Tình » cũng của tác giả Hồ Biều-Chánh.

« Đoạn Tình » là bộ tiểu thuyết viết rất công phu để treo một cái gương luân lý và đạo đức, độc-giã nên đón xem từ kỳ thứ nhất.

GỞI BĂNG VÀ CHI-PHIẾU

CŨNG như về sự giao dịch hàng hóa, người ta phải nhờ đến hạng người trung-gia là hạng người buôn bán, về tín-dụng người ta cũng hay nhờ đến một hạng người làm trung-gian giữa kẻ mượn và kẻ cho mượn ; ấy là kẻ buôn bán bạc (ba quiers) chuyên lo về vốn liền đang ưu hành mà tín-phiếu và tiền-tê b ều hiệu đó.

Nhà buôn phải mua rẻ và bán đắt mới có lời thì nhà ngân hàng cũng vậy. phải làm sao vay tiền cho được nhẹ lời và cho người ta vay ại nặng lời mới thâu được lãi. Thế nên tiền bạc cũng có thể coi là một món hàng như các món hàng hóa khác vậy, mà là món hàng quan trọng nhất. Các nhà thương mại và công-nghiệp đều phải nhờ đến. Nếu các nhà ngân hàng không chịu tín-lụng, không giúp vốn thì họ khó mà day trở được.

Có nhiều thứ băng giúp vốn cho người ta làm ăn ; thứ băng giúp vốn trong một khoảng thời gian rất ngắn và không chuyên về việc cầm cố, ta thường gọi là nhà băng hay nhà ngân hàng

TIỀN GỞI BĂNG. — Nhà buôn, muốn bán trước hết phải mua ; còn nhà ngân hàng muốn cho vay trước hết phải đi vay d ầu.

Cố nhiên nhà ngân hàng có thể dùng cái vốn riêng của mình nếu cái vốn ấy khá nhiều. Nhưng thường thường các nhà băng lớn trong công cuộc làm ăn không hay động đến vốn riêng của mình, chỉ để vốn ấy làm đảm bảo mà thôi.

Thế nên nhà ngân-hàng phải dùng tiền của công chúng, mà cho được có số tiền ấy thì phải vay mượn. Nhưng thay vì bởi vay dài hạn với những người có số vốn đã định cho nó sẽ dễ lời, thì lại mượn số tiền nó nằm trong túi hay tro g tử của nhiều người, nghĩa là số tiền vất v ơ, chưa có một chủ định gì, không sinh lợi, và nó chỉ chờ dịp để mà dùng thôi. Chủ nhà băng nói với công chúng như vậy : « Trong khi chờ đợi dịp tiêu xài số tiền ấy, nên giao nó cho tôi. Các ngài khỏi mất công lo giữ nó, tôi giữ giùm cho. ngày nào các ngài muốn dùng đến, thì tôi trả lại ngay. Thế thì tiện lợi biết bao nhiêu, huống chi

lời còn cho các ngài một chút lời, thí dụ 1% (1 phần trăm), có phải là hay hơn để nó nằm ở nhà mà không ích gì hết. Thêm nữa, các ngài có thể coi tôi là một người giữ tiền cho các ngài, vì có mua sắm vật gì, thì cứ cho tôi hay là tôi xuất tiền trả cho nhà buôn liền ».

Tiền cho vay như vậy gọi là tiền gửi băng.

Ở đây mà công chúng nghe lời nói rên đây lọt vào tai, thì nhà ngân-hàng có thể thâu một số vốn to, mà không tốn bao gì bao nhiêu. Thế thì tiền gửi băng, tức là nguồn sống của nhà băng đó và nhờ đó mà nhà ngân-hàng nuôi sống các công nghệ.

Để phòng khi người có tiền gửi băng muốn rút số tiền ấy ra, nhà băng luôn luôn phải để dành sẵn trong tủ một số lệ thường: là một phần ba của tiền người ta gửi.

Khách hàng đem tiền đến gửi nhà băng tất nhiên được lãi. Số tiền lãi đó to nhỏ tùy theo từng thời hạn dài ngắn gửi trong nhà băng. Tiền gửi băng mà chóng lấy ra, hay rút ra thình lình, thì chỉ được lãi chút ít thôi, có khi không được lãi. Nhưng nếu gửi tiền trong một thời hạn khá dài hoặc khi nào cần dùng muốn rút ra sẽ báo trước ít lâu thì được lãi nhiều. Vì nhà băng liệu trước được ngày phải trả khách hàng, có thể dùng tiền ấy cho vay lấy lời, hoặc góp vào những công cuộc kinh-doanh tốt tất nào.

Ngoài việc giữ tiền, nhà băng còn giữ hộ giấy quốc trái và xem xét hộ những giấy nào có cuộc xổ số trúng hay không. Nhà băng còn giữ giùm đồ vàng bạc, châu-báu hay là cho thuê tủ sắt để khách hàng chứa những bảo vật. Đến đây ta không khỏi nhớ đến những chuyện án mạng hay ăn cướp xảy ra ở các tỉnh. Chỉ vì nhiều nhà giàu có ở thôn quê hay tỉnh nhỏ chứa nhiều tiền hoặc vàng bạc trong nhà (1) Phải chỉ các người có của đó thuê tủ sắt hay gửi tiền trong băng thì có đâu làm mối cho lũ trộm cướp đến và có khi thiệt đến tánh mạng nữa.

CHI-PHIẾU (chèques). — Có tiền đem gửi băng, không gì chắc chắn bằng, như là một nhà băng đã được nhiều tín nhiệm của quốc dân. Nhà băng sẽ đứng địa vị làm người giữ tiền cho mình. Khi nào mình đã mở công (compte) trong nhà băng nghĩa là khi mình gửi tiền, nhà băng sẽ để trong sổ cho mình một khoảng để ghi những số tiền mình gửi và số tiền rút ra, mình cần dùng tiêu gì hay trả nợ ai thì cứ biên cho nhà băng mấy chữ là có tiền ngay. Lệ thường nhà băng cho in những

tập chi phiếu (carnet de chèques) để phát cho khách hàng gửi tiền. Trong tập có nhiều tờ giấy mỗi tờ dùng để lấy tiền một lần.

Thí dụ ông A có công ở nhà băng mua hàng ở hiệu B. Muốn cho sang và khỏi đếm tiền thêm bận, ông A biên cho một tờ chi phiếu đúng với món tiền hàng đó. Hiệu B cầm tờ chi phiếu ra nhà băng, để ngày tháng năm và ký tên vào mặt sau tờ chi phiếu là lãnh được tiền. Nhưng nếu hiệu B cũng có công ở nhà ngân hàng, thì giao tờ chi phiếu đó lại cho nhà ngân hàng lãnh và biên vào công của mình. Thế thì tiện lắm.

Giả sử ông A và nhà buôn B ở khác nước thì việc trả tiền bởi nhà băng làm trung gian sẽ được tiện lợi biết bao. (1)

Sự bày ra cái tin-phiếu tầm thường này, tôi muốn nói cái tập chi-phiếu, có thể coi là một sự cải cách quan trọng về phương diện kinh tế : là vì nó làm cho tiền bạc không thấy cần nữa. Tiền bạc dùng để trả nợ nần, để mua chác. Tập chi-phiếu, chính là có cái công dụng đó, mà lại còn tiện hơn nữa.

Nhưng nếu các nhà buôn rất hay dùng đến chi-phiếu, trái lại, công chúng không mấy khi dùng chi-phiếu để trả tiền lật vật bằng này. Một là vì không quen dùng, hai nữa là chi-phiếu cũng có một hai chỗ bất tiện :

1.) Người nào được người khác trả tiền bằng chi phiếu, thì phải mất công đến nhà băng mới lãnh được. Cho nên họ chịu được người ta trả tiền bằng tiền giấy, hơn là trả bằng chi phiếu. Nhưng nếu hai người đều có gửi tiền trong băng thì rất tiện, vì cứ việc giao chi phiếu cho nhà băng, thì người ta lo thâu cho mình.

2.) Còn có cái bất tiện này nữa. Là có khi người mua đồ trả tiền bằng chi phiếu, nhưng số tiền mình gửi băng đã hết lâu rồi. Pháp luật ghép vào tội lường gạt (escroquerie) những người dùng chi phiếu trả tiền tuy không còn tiền gửi trong băng nữa (Luật ngày 22 Juin 1917).

Người ta cũng có nhiều phương thế để ngừa sự dùng trái phép chi phiếu. Nhưng tóm lại muốn cho sự dùng chi phiếu được hoàn toàn thì công chúng phải có một trình độ giao dục kinh tế khá cao.

LÊ CHÍ THIỆP biên dịch

(1) Xem « Tội mở băng » của Lê và Thái.

MỘT KHÚC BI CA AI OÁN, NHỮNG LỜI
KHIẾU OAN THỐNG-THIỆT

«TỰ' TÌNH KHÚC»

CHÚNG ta không còn ai lạ gì «Tự Tình Khúc» của ông Cao-bá-Nhạ nữa. Áng văn chương ấy đã được nhiều người đem giới thiệu với chúng ta trên nhiều quyển sách. Nhưng bây giờ nói chuyện với các bạn về «Tự Tình Khúc» một lần nữa tưởng cũng không phải là thừa.

Ông Cao-bá-Nhạ là con trai ông Cao-bá-Đại, cháu gọi ông Cac-bá-Quát bằng chú. Ông là con cháu nhà họ Cao, một thế gia vọng tộc ở Phú-thị thuộc tỉnh Bắc-ninh, dưới triều Tự-Đức. Tổ tiên ông Cao-bá-Nhạ đã từng ghi tên tuổi trong trường sĩ-hoạn. Và dòng dõi họ Cao đã lần lượt ra làm quan, chiếm một địa-vị danh giá trong chánh giới. Thế mà chẳng may một việc cuồng ngộ của ông Cao-bá-Quát đã khiến dòng họ ấy mang cái họa tiêu vong.

Gia đình bị tai nạn ghê gớm, ông Cao-bá-Nhạ là giọt máu cuối cùng của dòng họ Cao. Muốn cho họ mình khỏi bị tuyệt hần nòi giống, ông phải chôn tên giấu tiếng, sống lẩn lút ở một làng dưới chân núi Hương-sơn. Nhưng chẳng bao lâu việc tiết lộ ông cũng bị bắt nổi. Thế là cái hi-vọng cuối cùng đành tan vỡ.

Bài «Tự Tình Khúc» này làm khi ông ngồi trong cũi, cho cho người ta giải vào Huế. Vì thế nó là một khúc bi ca rất lâm ly, rất bi đát, đọc lên ai cũng phải ngùi ngùi cảm thương cho tác giả, cho dòng họ của tác giả. Chúng ta có thể nói một cách không quá đáng rằng ông Cao-bá-Nhạ đã dùng nước mắt để viết bài «Tự Tình Khúc». Mỗi chữ là một giọt nước mắt; mỗi giọng là một hàng nước mắt; và suốt bài «Tự Tình Khúc» là một lời than vãn thảm thiết, một tiếng thở dài ai oán.

Mở đầu ta đã được thấy nỗi buồn của tác giả. Nhưng đây là một cái buồn rất thị vị, mà cũng rất đau đớn, một cái buồn mà họa may chỉ trắng già mới có thể thấu tỏ được.

Tình giấc mộng ngăm câu kỷ vãng.

Trải tâm thu ngày tháng như thoa,

Chiếc thân tựa gối quan hà,

Nỗi niềm tâm sự trắng già thấu chăng?

Rồi cái buồn ấy cứ kéo lê thê mãi cho đến câu cuối cùng.
Phải, tác giả không buồn, không đau đớn, không khổ sở
sao được ! Lâm nạn ông Cao-bá-Đạt vì muốn tránh nhục hình
đã phải tự ý quyền sinh.

Cuộc phù thế thờ ơ mệnh bạc
Chốn dãi dãi chềch mác lòng son
Quyết mình há nghỉ đến con,

Tướng khuôn phúc thiện hầy còn về sau.

Chỉ một việc ấy, chỉ một cái chết thê thảm ấy của người
cha lương thiện đã khiến ông Cao-bá-Nhạ đau đớn đến đứt từng
khúc ruột. Nhưng lúc này không phải là lúc ông có thể dễ cho
trí óc mở quang vì việc thương tâm ; ông phải vội vàng tìm cách
trốn tránh thứ pháp luật ghê gớm, hại đến ba dòng tộc thuộc,
để hong vớt lại một chút giây rỗi cho dòng dõi nhà mình. Ông
tiền từ già đất Thanh hóa là nơi ông Cao-bá-Đạt đã giữ chức
huyền lệnh, để bắt đầu bước vào một cuộc đời lưu lạc đầy gian
nan hiểm nghèo.

Cầu kia ai gọi Tân đình

Chiếc bìa trụ lệ rành rành bên sông.

Thay tên đổi dạng ra đi tâm hồn tác giả rất hốt hoảng, rất
sợ hãi. cái họa bị đứt hẳn giây rỗi, tuyệt hẳn giống nòi của một
dòng họ ba giờ cũng hình như cứ chôn vùi trong trí, hoặc
thoảng hiện trước mắt, khiến tác giả phải nơm nớp lo sợ ; lo sợ
cho chính mình thì ít mà lo sợ cho cả một dòng họ thì nhiều.
Đối với những người đã thâm cảm đạo lý của Khổng, Mạnh,
cái tội tuyệt tự phải là một tội rất nặng. «Bất hiếu hữu tam, vô
hậu vi đại», không một nhà nho nào lại có thể quên câu ấy.
Nếu họ đã phạm lỗi làm trai với câu ấy, tức là đã mang tội rất
nặng với tổ tiên. Mà ở đời thì còn gì nhục nhã, còn gì đau đớn
cho bằng tiên tổ nhà mình sau này không người phụng tự
hương khói. Cho nên ông Cao-bá-Nhạ mới dằn lòng chịu đựng
liệt mọi gian lao khổ nhục, để trốn phận sự của kẻ làm con cháu.

Phù sinh một sợi tơ manh,

Giữ gìn di thể như hình thiên kim.

Nhận sa nước nổi chìm bề khổ,

Ên e cung tìm đồ cây lạnh.

Đường ngang những sợ chông chênh.

Khăng khăng quyết giữ ấm thành như son.

Từ tấm bé ông Cao-bá-Nhạ đã được sống trong một gia đình
quan sang. Ông đã được hưởng cái đời êm đềm ấm áp dưới gối

bai thân. Ông đã được biết phong vị một đời sung sướng đầy đủ hạnh phúc. Và ông chỉ mới biết có thể, chờ ngoài ra ông chưa từng nếm trải cái mùi mè chua xót của khổ sở, của gian nghèo. Cho nên bấy giờ lâm vào bước lưu ly, phải hết sức lặn lội trốn tránh để mong cứu lấy sinh mệnh mỏng manh của mình, thì cái khổ mà ở một người đã từng lăn lóc với đời họ cho là thường, đối với ông đã đến độ cùng cực. Ông tự thấy đau đớn, thương xót cho thân thể mình phải gặp toàn những sự khó khăn.

Giật chân bèo lưu lạc bẽ oan,

Gập ghềnh từng bước gian nan

Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm.

Cho đến khi náu hình dưới chân núi Hương sơn, phải sống những ngày hồi hộp lo lắng để chờ bức xá thư, ông ôm ấp một bầu tâm sự đau khổ, mà không dám hé miệng thổ lộ với ai. Đau đớn thay cho một người có sự khổ tâm mà chỉ ôm lấy để chịu đựng một mình, không dám ngỏ nỗi lòng với ai! Lúc này ông phải làm bạn với năm, ba đứa học trò, với cỏ hoa, để tiêu遣 ngày thân.

Song hồ ngày tháng lẩn la,

Một hai hoàng quyền năm ba tiểu đồng.

Mấy phen điếm tuyết yên hà

Các mười lăm khóm, mai và bốn cây.

Tuy thế cái giọng buồn khổ vẫn không vơi được chút nào. Và ông quá buồn khổ nên công việc đèn sách và thú cớ hoa, đối với ông cũng chẳng có gì là vui.

Đuôi con mắt châu sa thấm giấy

Đầu ngón tay máu chảy pha son

Người đau phong cảnh cũng buồn

Thông gãy như trúc cức mòn như mai.

Nương náu ở đây ông đã tưởng được yên thân với cái đời bần bạc, nào ngờ số mệnh vẫn không buông tha cho ông. Thú ăn dật tàm họ trong tám năm dư chỉ thoáng qua đời ông như một giấc chiêm bao. Rồi ông lại bị bắt, lại phải đem thân cho định mệnh giày vò.

Nghĩ thân mà ngán cho thân,

Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi.

Và một lần nữa ông lại lâm vào cảnh khổ. Mà lần này cái khổ lại gấp mười gấp trăm lần trước.

Những là sợ gió e sương

Thương thân chưa xót nghĩ đường xa xôi.

Phải đem thân ra trước pháp luật, ông Cao bá Nha khó bề thoát khỏi tử hình. Tội của ông, ông đã có thể đoán trước được. Thôi thế là đời ông đã sắp đến ngày tàn. Cái chết thế thảm đang chờ ông. Rồi đây, một lưỡi dao con oan nghiệt sẽ dứt hẳn cuộc phù thế cho ông.

Khi mà người ta đã cảm thấy trước cái chết của mình người ta không khỏi thương xót, không khỏi nhớ nhung, luyến tiếc những cảnh vật quen thuộc. Ông Cao bá Nha lại là người đa sầu đa cảm, cho nên ở ông cái tình thương nhớ lại rất cao, rất thâm thía. Trước hết ông thương tiếc thân phụ ông đã nửa đời khổ tiết mà vì bị vạ lây, nên đã phải liêu thân với cái chết oan khốc.

Có ai qua lối hoạn kiều.

Cho nhờ gửi gắm ít nhiều bi ai.

Vì quá thương cha, vì nghĩ nhiều đến người cha, cho nên không biết mấy mươi lần ông Cao bá Nha được gần gũi phụ thân trong giấc mộng :

Hồn bay ngàn dặm cũng gần,

Trong năm mươi khóc, năm lần thấy cha

Thương cha dãi thẽ; đến lòng thương mẹ lại càng đau đớn gấp bội :

Nhà huyền bấy nhiều năm lưu lạc

Thân bèo trôi một bước một đau.

Rồi lần lượt ông nhớ đến người vợ ; một người vợ hiền đã chung sống với ông trong hơn tám năm ở miền Hương Lĩnh ; một người bạn thân, một người an ủi của ông trong những ngày buồn tẻ, lo lắng. Rồi ông nhớ đến hai đứa con thơ từ nay sẽ thiếu hẳn bàn tay bồng bế nâng-niu của một người cha.

Gấm đau đớn khuê-phòng gởi lẽ,

Bồng vì đau chia rẽ mỗi tơ

Liều bỏ đời chút cảnh thơ

Bao giờ biau diu, bao giờ bồng mang.

Nhưng tình nhớ nhung của ông Ca-bá-Nha không phải chỉ hẹp hòi có thế ; nó còn được ông thả đi xa hơn cho đến những cảnh vô tri giác.

Ông nhớ miền Hương - Lĩnh, nơi ông gửi thân trong hơn tám năm trời. Bấy giờ ông Cao-bá-Nha đang ngồi trong cũi, lắng cái buồn hiu hắt do gió bắc thổi đến. Ông không biết phong cảnh ở đó đã đến như thế nào.

(Còn nữa)

PHAN-HUY-CHUYÊN

GIÚP VIỆC ĐẠI TANG NGHỊ

(TIẾP THEO)

XX

Chương-đức (1) từ từ bỏ cửa ra.

Thân ngoài để sẵn đợi linh-xa.

Khiêng lên nhẩm cửa Nhà đồ (2) lời.

Tạm nghỉ lên sông có cất nhà (3)

1. Cửa Chương-đức ở bên hữu Hoàng thành. Đối diện với cửa Hiền-nhơn bên tả. Cửa này chỉ để cho dân bà đi vào ra. Trừ ra linh có việc mới được đi mà thôi. Ở ngoài cửa đã sẵn cái Đại linh xa (nhà giêng). Từ trong cung Gia-Thọ khiêng tay từ cung ra cho đến ngoài cửa Chương đức, mới để lên linh xa mà khiêng. 2. cửa Nhà đồ là cửa ở thành ngoài. Linh xa khiêng ra cửa Nhà đồ, thẳng xuống bến dòng sông Hương. 3. Nơi đó có cất một cái nhà, gọi là Lư-diện, rước Linh xa vào đó nghỉ một lúc.

XXI

Phụng châu (1) ở trước có tàu giồng.

Quân lính theo hầu cứu để trong

Chỉ bốn khiêm-cung (2) tàu lướt dậm.

Hai bên Hương án lạy đưa vong (3).

1. Bốn chiếc ghe trần ken lại, ở trên làm một cái nhà hình như chim phụng, nên gọi là « Phụng Châu ». Khi Linh-xa nghỉ một lúc ở Lư-diện, rồi khiêng xuống chiếc Phụng-châu có tàu dật đi. 2. Khiêm-cung là lăng vua Tự-Đức. Tàu dật chiếc Phụng-châu đi thẳng tới bến Khiêm-cung. 3. Khi Phụng-châu đi qua chỗ nào có chùa, có làng, thì đều có đánh chuông và đặt bàn Hương án lạy đưa.

XXII

Tàu ghé bờ tang xử phát phơ. (1)

Từ-cung thừng thặng rước lên bờ.

Vô nhà Thê-diện (2) ở nơi nghỉ.

Làm lễ phở (3) xong trót một giờ.

1. Khi tàu ghé lại bến khiêm-cung, thì lá cờ trên tàu xử xuống. — 2. Thê-diện cũng như Lư-diện, ngay trên bến khiêm-

cung có cất một cái thẻ điện, rước Linh xa vào đó nghỉ.
3. Phở thời là buổi trưa. Làm lễ phở thời tại trong Thẻ điện này, ngót một giờ đồng hồ mới xong.

XXIII

Linh-dư nhẹ nhẹ cất lên vai.

Phấn phắc khiêng đi ngót dặm dài.

Gần tới Huyền-cung (1) thì đề xuống.

Dọn làm lễ táng đã an bài.

1. Huyền-cung là nơi để tử cung, cũng như ta gọi là cái hu, ết để chôn quan tài. Nhưng đây lại khác, đục núi làm một cái nhà nhỏ bằng đá, rồi để tử cung ở trong đó, chờ không chôn.

XXIV

Tới nơi bài trí các đồ dùng.

Ngoài quách trong quan kin bịt bùng (1)

Đẩy bánh xe đồng quan chấp phát, (2) !

Nơi đường toại đạo (3) tới Huyền cung. (4)

1. Khi Đại-linh-dư để trước cửa Huyền-cung, thì ở đó đã có để sẵn một cái xe (gọi là mộc thuần) bốn bánh xe đúc bằng đồng trên có một cái quách dây chụp lại. Làm lễ xong, phụng Tử-cung để lên cái xe ấy. Tắm mình sanh và lột 5 sắc, trải lên nắp Tử-cung, và có đồ giãn tử tế, đoạn chụp cái quách ở ngoài Tử-cung, vắn đỉnh óc cho cái quách khít coặc với cái xe.
2. Chấp phát là năm sợi dây kéo cái hòm. Trong kinh Lễ (Thiên khúc lễ) có nói : «những người đi giúp đám táng phải năm dây». 3. Toại đạo là đào một đường rãnh rộng lớn từ ngoài vào tới cửa Huyền-cung. Cái xe Tử-cung cũng để ngay ở con đường ấy. 4. Dưa bai bên cửa Huyền cung có trồng 2 cây trụ bằng đá. Một sợi dây bằng vải trắng đánh lại, lớn bằng cườm tay, dài hơn 10 thước, song 2 đầu dây lại cho bằng nhau, bắt chính giữa sợi dây choàng vào đầu xe Tử - cung (ở phía đằng sau) còn 2 đầu mỗi dây thì choàng vào hai cột trụ đá, mà đem mỗi dây ra phía ngoài.

Đoạn tới giờ, các quan văn võ năm 2 đầu mỗi dây đứng ngoài mà kéo, và các quan võ từ Vệ-úy trở lên, thì xúm đầy phía sau xe tử-cung từ từ đi vào Huyền-cung. Ở trong Huyền-cung chính giữa nền có đục 4 cái lỗ rãnh nhỏ, ni tắc ăn theo với 4 bánh xe tử-cung. Khi xe tử cung đẩy vào tới đó, thì 4 bánh xe sụp xuống 4 cái lỗ rãnh. Mặc cứng đó, không di dịch đâu được nữa.

Trong Huyền-cung, đức bà Trạng-ý và Hoàng-thái-hậu đứng bên hữu. Hoàng-thượng đứng bên tả, để hầu rước từ-ung vô Huyền-cung. Khi an trí xong Hai ngài Thái-Hậu và Hoàng-Thượng làm lễ rồi lui ra. Bộ-công đốc suất lính thợ đóng cửa Huyền-cung mà hèn lại và ban đường loại đạo cho bằng thẳng như trước.

XXV

*Đức ông Hoãn Trị (1) cũng con ngài,
Mũ bạc dây rơm với áo gai,
Lum cùm đi sau tay chống gậy,
Giữ theo lễ phép đám đơn sai.*

1. Ông Hoàng Hoãn-Trị quân Vương, tên húy là Hồng-Tổ, con đức Thiệu-Trị (mà con vợ bé) nên kêu đức Từ-dủ là Đích-Mẫu.

XXVI

*Hầu đám hai voi nép một bên,
Vừa quì vừa lạy khóc la rên.
Có quan Quận mó (1) trông liền nói :
« Bộ Lễ đâu mà chẳng xường lên. »*

Khi Đại lĩnh dư đi đến Huyền cung có 2 con voi quì một bên vệ đường vừa lạy vừa khóc. Thật là thảm thương. Có quan Quận công Hoàng... đi phía sau đại lĩnh dư. Ngài nói nhỏ nhỏ : « Bộ Lễ đâu không xường cho voi lạy » Ký giả đi kế sau lưng ngài nghe rõ được câu ấy lấy làm áy náy.

XXVII

*Ninh lăng (1) lễ lớn đã xong xuôi,
Vua chúa quan dân thấy ngậm ngùi,
Thấy trước cửa lăng xây kín mít,
Cúi đầu từ già bước chùn lui.*

1. Lễ Ninh-lăng, tức là lễ an táng hay là an-phô. Nhà vua dùng chữ « Ninh lăng » cho phân biệt, Còn quan dân thì dùng chữ « An táng, an Thổ » là thông thường.

XXVIII

*Bên lăng cất sẵn cái nhà cây,
Đồ đám bao nhiêu chất đống đây.
Bỏ lửa Chúc-Dung (2) cho một ngọn,
Phừng phừng bốc cháy khói lên mây.*

1. Bên lăng có cất một cái nhà tranh năm gian. Bao nhiêu những đồ đưa đám (như là Đại lĩnh dư, tiểu lĩnh dư, giá triệu

Long đình nhà binh khí và cờ xí đi đưa v. v. .) khi làm lễ dâng
lăng xong đều đem vô chất đầy ở trong nhà đó rồi châm lửa
đốt tiêu hết — 2° Chúc dung là tên ông thần lửa.

XXIX

Trong điện Ôn-Khiêm chính giữa nhà (1)

Là nơi chưng dọn đồ thờ bà.

Rước linh về đồ an thần vị.

Phân khố (2) xong rồi mới trở ra

1° Ở sau lưng điện Hoà-Khiêm, có điện Ôn-Khiêm. Nếu
điện ấy, đều ở trên tôn lăng vua Tự-Đức, Đức bà Từ-Dũ mới
mất, thì linh vị phải thờ ở điện Ôn-Khiêm. Chưng mãn
phục rồi, mới rước thần vị về thờ chung tại tôn lăng đức
Thiệu-Trị và điện Phụng Tiên, Thế-Miến — 2° Khi an táng rồi
về làm lễ gọi là Phân khố,

XXX

Trước rạp Minh-Khiêm (1) dọn cỗ bàn.

Trân tu Hào soạn của vua ban

Mấy người giúp việc theo đao bút (2)

Được bữa thù lao rất vẻ vang.

1° Phía trước điện Ôn-Khiêm về bên tả có một cái nhà, bằng
đề là «Minh Khiêm đường» là một cái rạp bát (cất ra đó đề
mà thờ vọng, chỗ không có hát xướng tại đó bao giờ) khi làm
lễ phân khố rồi, có lệnh Ngài ngự truyền dọn cỗ bàn tại đó.
mà đãi cho mấy người giúp việc một bữa thù lao. 2° Đao bút,
mấy người làm việc đấy, thì gọi là Đao bút lại.

XXXI

Bày lễ «Ngu» (1) ra đến chín lần

Cúng rồi ban khắp các triều thần.

Trâu bò chết biết bao mà kể

Nhưng của vua, không phải của dân.

1. «Ngu» nghĩa là «An». Đám táng của nhà Vua khi
ninh lăng rồi, thì cứ 7 ngày làm một lễ «Ngu». Từ lễ sơ ngu
cho đến lễ cửu ngu, cúng rồi đem kiến cho các nơi như ; lễ sơ
ngu đem dựng vào đại-Nội, lễ tái Ngu đem kiến bên tòa-sứ,
lễ tam ngu ban cho Phủ tôn nhân, lễ tứ ngu ban cho Viện cơ
mật v. v. . .

THƯỢNG TÂN-THỊ căn thuật

III. - CÔ HY-LAP (Hellade)

THÀNH TƯ-BA ĐẠT VÀ NHÀ-ĐIÊN

(Tiếp theo)

ÔNG hiền là ông gì? Tại sao được thiên hạ sùng tọng cho tiếng hiền?

Tục truyền rằng: có một người thanh-niên mua cả một mẻ lưới của người đánh cá xứ Milet (thành ở Tiểu-Á tế-á là trung tâm điểm cũ triết học). Khi lưới kéo lên thấy có một cái giá ba chân rất đẹp. Mọi người đều tranh nhau lấy. San rớt, họ mới cùng đem nhau đến cầu thần linh ở thành De'p es (1), để nhờ thần phán xử.

Thần phán rằng: « Hãy đem cho người hiền nhất ».

Mọi người vâng lời mang giá lại biếu ông Tha'es. Ông này sợ mình không xứng đáng với tiếng hiền, mới bảo đem mang cho ông khác. Cái ông thứ nhì này lại cũng ngại như ông thứ nhất, mới bảo đem biếu cho ông thứ ba. Cứ thế truyền nhau sang cho đến cuối cùng, cái giá ấy lại vào tay ông Solon — người thứ bảy —. Ông này lại nghĩ: chỉ có thần linh là hiền nhất, nên mới mang giá lại dâng cho thần linh ở thành Delphes.

Luôn dịp, chúng ta cũng nên biết qua 7 ông hiền ở xứ Hy-lạp là ai đã.

Theo Platon, nhà triết-học danh tiếng nhất ở Hy-lạp (429 — 347 trước Tây-lịch) thì 7 ông hiền là:

1. — Thalès ở Milet (640 — 548 trước Tây lịch), người mở đầu cho Vật-lý học phái (Cosmologie), lấy nước làm nguyên thể cho vũ trụ.

2. — Pittacus ở Mytilène (650—569 trước Tây lịch)

3. — Bias ở Priène, về thể kỹ thứ 4 trước Tây lịch kỷ-nguyên. Người trong xứ thường đến hỏi ông về việc kiện thưa mong nhờ ông chỉ giúp cho được kiện. Nhưng ông luôn luôn không chịu nhận tài hay của mình để làm cho sự bất công

(1) — Một th trấn xứ Hy-lạp, giờ đổi tại La Castri ở dưới chân núi Parnasse. Nơi này có đền thờ thần Apollon, và nhờ thần ứng vào miệng của nữ thầy tu Pythie để nói những việc tiên tri. Vào năm 279 trước Tây lịch, thành này bị một đạo binh Gaulois đến chiếm đoạt

được thắng lợi. Trong lúc thành Priène bị quan quân của vua Cyrus xứ Ba-tư (Perse) đến vây đánh, tất cả dân chúng đều đua nhau cuốn lấy đồ bảo vật đang tìm phương trốn. Chỉ có mình ông là không lo liệu gì cả. Nhiều người lấy làm lạ hỏi ông, thì ông vẫn điềm nhiên trả lời: «Tôi đem cả với tôi, thế là đủ», để chỉ rằng tiền tài của ông tức là sự khôn ngoan của ông, và cái kho vàng quý báu kia tức là lý tưởng của ông vậy.

4. — Cléobule ở Ionie bạn thiết của Solon, ở về thể kỷ thứ 6, trước Tây lịch).

5. — Myson ở thành Chênes.

6. — Chilon ở Lacédémone, khi trông thấy con được đại thắng Jeux Olympiques (1) ông ôm con lấy làm sung sướng quá đến chết ngất luôn.

7. — Solon ở thành Nhả điễn.

Ngoài sự làm lính để chống giữ thành trì, người Nhả điễn lại còn biết đến nghề thương mại, nghề bẫy hải, biết làm thơ... Về sự giáo dục không hay quá bó buộc nghiêm khắc như của Tu-ba-đạt.

Trong khi còn bé, họ cho trẻ con chơi nhiều vật như đánh đu, cỡi ngựa tre, cùc bắt và chung nhau nói chuyện đời xưa.

Nhờ sự giáo-dục được tự-do dễ mở mang tư-chất, nên ngoài lòng tử tế đối với người xa lạ, giàu tình bác ái với lũ tôi mọi, thì chúng lại còn khéo léo gây dựng tiền của, hay ham biết những điều mới lạ và lại có khiếu thẩm mỹ.

Những hạng thanh-niên Nhả-diễn lại có lời nguyện, là không làm đến gì tà vạy để làm nhơ lười gươm; không khi nào lìa hàng ngũ giữa trận mạc; không làm ngơ trước mọi cuộc hỗn độn loạn lạc của tổ-quốc; chúng chiến đấu bởi Thượng đế bởi quê hương; chúng bao giờ cũng vâng theo luật-pháp.

Những lời anh dũng ấy đã thành một kỷ-luật cho những nước tự-do độc-lập hiện nay.

Dân tộc thành Nhả-diễn có lập một nghị viện gồm có 500 hội viên. Có một hội nghị cao cả hơn hết là nghị viện Aréopage do Hoàng-đế Cécrops sáng lập, để gìn giữ trật tự về chánh trị và phong tục.

1). — Dân Hy-lạp vốn tôn trọng về sự luyện tập cơ thể cho được cường tráng. Nên trong những cuộc tế lễ hội hè gì đều có tổ chức những cuộc chạy đua, những trò chơi gì có tánh cách nở nang mạnh mẽ cho sát thể. Kể nào được chiếm giải quán quân, thì những người đứng xem đều vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt. Những cuộc chơi lớn nhất là vào 4 năm người Hy-lạp tổ chức một lần ở gần Olympie (một thị trấn ở Péloponnèse) để làm lễ chúa Jupiter.

Một dân tộc tuy có tổ chức hẳn hoi và tốt đẹp như thế, song cũng chưa được toàn vẹn. Như chúng ta đã từng thấy có nhiều luân lý đặc biệt để vun đúc giáo hóa cho dân chúng được trở nên kẻ quân tử hiền lương, nhưng chỉ được một phần ít có thể gọi là thật hành được còn thì chỉ bằng vẽ dáng ở bề ngoài. Theo một thông lệ đó, người Nhã-diễn mặc dầu có hấp thụ được cái giáo-dục thuần - túy, hay một đạo luật như trên kia, nhưng một vài khi vì có tai trong những việc hy-sanh đích đáng, thì bản năng của họ bỗng chồm dậy mà phải sanh lòng ngạo nghễ tự-kieu, rồi coi những người bề trên không ra gì.

Tuy vậy, trong những trận giặc sau này mới làm nổi bật cái danh tiếng lẫy lừng oanh liệt của hai dân tộc Tư-ba-đạt và Nhã-diễn, mà những người trí thức của hai thành ấy đã dày công đào luyện.

Nguyên về thế kỷ thứ 5 trước Tây lịch kỷ-nguyên, sau khi Hoàng đế Darius đệ nhất xứ Ba - tư (Perse) đã xâm chiếm và toàn thắng Tây bộ Á-châu và Ai-cập, lại có ý đeo đuổi trong cuộc chiến hăng rục rở ở Tây-phương nên mới đem quân sang xâm lấn Hy-lạp.

Thật là một sự cuồng vọng, vì sức lực nhà vua có hạn ; vả lại, với sự hung bạo tàn nhẫn thì dầu có sức lực mạnh bạo thế nào nữa cũng chưa chắc là đánh thắng được một nước mà dân chúng toan nhất tâm gìn giữ sự độc lập và, có đầy trí thông minh đã biết chắc lọc chính đốn lại cái văn hóa cũ của Đông-phương, để kiến thiết một nền văn hóa mới có trung bình điều độ hời hợt bấy giờ.

Năm 490 trước Tây-lịch kỷ-nguyên, một đội quân Ba-tư có hơn 200.000 người sang đánh phá ở làng Marathon. Lúc ấy dân thành Nhã-diễn chỉ có 10.000 người cùng với 1.000 lính ở thành Plataées (một thị trấn ở miền Beotie, trên triền phía bắc núi Cithéron) dưới quyền chỉ huy của viên đại tướng Miltiade, người thành Nhã-diễn, thế mà đánh đuổi được cả hàng ngàn binh Ba-tư chạy lỗ vô...

Sự thất bại đau đớn và nhục nhã của Hoàng-đế Darius làm cho con là Xerxès càng tức giận đến cực điểm. Vì vậy nhà vua này mới buy động thần quân có 2 vạn người và một đoàn hải quân được 1.300 chiếc tàu với 3.000 chiến thuyền. Chủ ý của nhà vua trẻ tuổi này là quyết đem binh đập phá bờ cõi thành trì xứ Hy-lạp thành tro bụi.

(Còn nữa)

QUANG-PHONG

RỪNG VÀNG CỦA CON TÔI

MỸ-ẨM TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG

(Tiếp theo)

VẬY chỉ có cái lễ tiết hoà dịu và nghiêm trang thì tự nhiên người ta vừa yêu vừa sợ.

Gặp người gian-xảo biến trá trăm bề, chẳng biết đâu mà lường, ta chỉ dãi họ bằng một lòng chơn thành, tự nhiên cái thuật của họ phải cùng mà chịu khuất phục; câu ngạn ngữ nói: « Con ma rừng khôn ngoan có hạn, thầy sãi già nín thinh vô cùng », là lẽ vậy đó.

Gặp người hay khoe tài mình đừng thi tài với họ chỉ làm ra mặt ngu, cái tài của họ sẽ phải bị mình áp đảo; gặp người hay ưa lạ, mình đừng đua lạ với họ, chỉ nói câu chuyện thường, cái lạ của họ sẽ phải bị mình phá trừ.

Gặp người cương trực, nên nhìn họ cái tánh ngang; gặp người phác hậu, nên nhìn họ cái tánh nệ; gặp người lanh lợi, nên nhìn họ cái tánh lơ mãng; gặp người tài hoa, nên nhìn họ cái tánh ngông cuồng. Bởi vì tất nào cũng do tài nấy mà sanh ra, đều theo về từng loài có tài ấy thường có tật ấy, vậy ta chỉ trọng cái tài mà không nên chấp cái tật; ví dụ như con ngựa hay thì ta chỉ ưa nó về cái tài chạy nhanh sức mạnh, còn cái tật hay cắn hay đá, thì có nên trách nó làm chi?

Suy ra cái đạo dùng người cũng nên ngờ đi chỗ dở mà lược lấy chỗ hay vì câu tục đã nói: « Nhơn vô thập toàn », (người ta không ai trọn vẹn được cả mười phần) nếu cầu toàn trách bị ở một người thì ở đời không có người nào dùng được hết. Cho nên lấy về phác thật thì đừng trách họ ngốc; lấy về chánh trực thì đừng trách họ ương; lấy về nết liêm cần thì đừng trách họ hẹp hòi; lấy về tài linh mẫn thì đừng trách họ sơ sót; lấy về trí minh biện thì đừng trách họ phóng túng; lấy về đức cần thận, thì đừng trách họ trễ trãn. Ông Châu Công dặn con là Bá Cầm về đạo dùng người trong khi thọ phong làm Lễ hầu, nói rằng: « Vô cầu bì ư nhưt nhơn » (đừng cầu đủ tài ở một người), là ý đó vậy.

Bao nhiêu đó, tuy chưa kể ra hết các hạng người trên xã-hội, mà cũng chưa kể được hết mọi đạo đòi đãi nhiệm-dụng các hạng người trên xã-hội, nhưng lấy loại mà suy cho tới, thì ngoài những người trong một nhà sắp ra, xữ với họ bằng phải đạo họ-hàng, xữ với bạn-tác phải đạo bạn tác, xa thì lẫn tới tổng làng phủ huyện cũng vậy ; xa xa nữa tới cả xứ cả nước cũng thấy đều như vậy, muốn cho phải đạo chẳng có chi khác, chỉ ở cầm lòng bằng đạo trung-tín, giữ mình bằng đạo kính thân, đãi người bằng đạo bình thứ là đủ rồi. Bởi vì tình người chẳng xa, xữ được với một người thì cả ngàn muôn ức triệu người đều có thể xữ được hết, cầm cây búa mà đẽo cán búa, cái mực thước sẵn ở trong tay rồi, chỉ e mình chưa hết cách khéo mà thôi. Cho nên người quân-tử chẳng cầu ở người, mà cầu ở mình ; chẳng trách ở người mà trách ở mình ; nếu mình làm sự dở thì dầu mình là quan lớn người ta cũng chê-bàn.

Có điều, nói cho cặn kẽ mà nghe, cái đạo xữ đời vẫn nên tránh khỏi người ta chê bàn, mà cầu lấy cho người ta kính phục. Song cái sự kính phục ở đời lại chưa chắc đã là định luận, vì trên đời thường thường có bọn *huơng nguyên* lộn vô. Bọn này cứ coi cái nghi-tiết bề ngoài thì xữ với ai cũng vừa, mà xét tới tâm nguyên bề trong thì rốt cuộc chẳng vừa ai hết. Đó là bọn tiểu-nhơn thật, mà mang mặt nạ đóng làm vai quân tử giả, giả đạo đức để gạt đời, nếu đời không có con mắt tinh mà thật dạ tin họ thì sẽ bị lừa to, bởi vì họ chẳng những không có đạo đức gì, mà còn đánh đổ nền đạo đức nữa. Đức Khuông-tử nói : «*Huơng nguyên đức chi tặc dã*» (1), là cần ngài chỉ rõ ra con mắt cá, vì ngài sợ e người ta tưởng lầm là hội trai. Vậy ta tu cho trọn cách làm người, đừng làm quân tử thật, cớ gì dừng học theo cái cách đạo đức giả ấy mà hại bốn lăm một đời.

..

Trên đây là bàn về đạo đãi người, mà trong xã hội có người thì phải có việc, có việc phải có người làm việc, thì việc mới rồi. Các trách nhiệm làm việc đó ở ai ? Ở tất cả mọi người trong xã hội vậy. Số là xã hội là xã-hội chung của người trong xã hội, thì phạm là người trong xã hội, đều phải nhận việc.

(1) Nghĩa là kẻ có tiếng căn-hậu trong làng đó là quân giặc làm hại đạo đức. *Huơng* là thôn quê, *nguyên* là cái tánh căn-thận trung-hậu. *Huơng nguyên* là tiếng kêu kẻ giả dối chịu theo thói đời xữ với ai cũng vừa lòng để mua lấy tiếng căn hậu làm cho dân ngu ở thôn-quê bị gạt mà tưởng lầm là thật.

trong xã hội làm trách nhiệm chung. Cho nên ông Trần cơ Đình nói rằng : « Làm người ở đời, hoặc có ích về việc dưỡng, hoặc có ích về việc giáo, nếu chẳng vậy, tức là con một ở trong trời đất mà thôi. Kẻ hèn khố mà ở nề là con một con, kẻ sang giàu mà ăn dưng là con một lớn. »

Mà tất thế, người trong đời ai cũng phải ăn phải ở, mà đối với món ăn chỗ ở, không làm việc để sanh sôi ra, giữ gìn lấy thì chẳng phải là con một ăn mòn của đời đó sao ?

Huông chi trời sanh ra người một đời, cốt để đủ dùng cho rồi việc một đời, nghĩa là ông trời đã tạo cuộc đời, thì phải phân xếp việc đời, nhỏ là gia-đình, lớn là quốc-gia thiên-hạ, nào là việc dưỡng, nào là việc giáo, cùng là hết thấy các việc chánh trị kinh-tế, một đời trong xã-hội thiên chi là việc, đều phú thác cho người trong xã-hội một đời. Mà cái phần người lãnh lấy thiên chức trời sanh, thì tất phải có tư cách hoàn toàn, mới dõm đương được cái trách nhiệm rồi việc đời đó.

Phận sự của ta là gì ? Kia những kẻ chịu ơn không đền, thiếu nợ không trả, tất ai cũng cho là kẻ không có nhơn cách. Vậy ta có biết mọi người chúng ta đối với xã - hội, có cái tấm ơn rất lớn, có cái món nợ rất to hay chẳng ? Loài người ta sanh ra ở cõi đời, trừ ra hạng người phiêu - lưu như La-lân-Sanb, một thân khai tịch một cõi hoang-đảo, đóng thuyền thì đôn cây lấy, kiếm ăn thì cày ruộng lấy, không có cái cảnh xã-hội, thì mới không mang ơn mắc nợ cùng ai. Còn như loài người sanh thực ở cái thế giới khai tịch đã sẵn này, sẵn đường mà đi, sẵn đất mà ở, sẵn sách vở mà học, sẵn khí cụ mà dùng, phẩm các thứ nhứt dụng của nhơn sanh không chỉ chẳng sẵn ; những món ấy đều là tâm huyết tài lực của tiền nhơn khai tịch sáng tạo, để truyền lại làm di sản cho chúng ta. Chúng ta sanh ở đời này, đem cái di-sản đó mà xây dựng là ta phải mắc nợ mang ơn rồi đó. Vậy mà ta chỉ biết có mình mà không biết có xã-hội, đó là ta chỉ đem của chung mà xài phí, thì cái tội ta phụ ơn vỡ nợ còn gì lớn hơn !

Trong nhà có một bảy con, chỉ chuyên nghề cờ - bạc ăn chơi, anh xài phí một món, em xài phí một món, mà không ai lo bảo-tồn lấy, bồi bổ thêm, thì là nhà giàu tới đâu, gia sản cũng phải khánh kiệt. Của xã-hội cũng vậy, nếu người trong xã hội chỉ có phần xài phí không có phần bảo tồn bồi bổ, thì mạng mạch của xã-hội chỉ có phần tiêu diệt, chờ trông sao được lâu bền thịnh cường ?

(Còn nữa)

ÁI-TÌNH MIẾU

TIÊU-THUYẾT CỦA HỒ BIỀU-CHÁNH

(Tiếp theo)

BỮA cưới, lúc dự tiệc tại nhà nhạc gia mỗ, thằng Hườn ngồi tại bàn phía sau lưng mỗ, nó trầm trồ nhan sắc của vợ mỗ rồi nó nói với chúng bạn như vậy : « Tôi tiếc quá, lúc tôi quen với M. Thịnh thì tôi đã có vợ rồi. Nếu tôi chưa có vợ thì cô Lý làm sao mà lọt vào tay người khác được ».

Mỗ nghe mấy lời ấy rõ ràng, dẫu đến chừng nào mỗ cũng không quên được.

Đưa dâu về nhà mỗ rồi, chừng họ đang gái về, vợ chồng mỗ đưa ra xe, thì thằng Hườn nó còn nói với vợ mỗ như vậy : « Em Lý bỏ cảnh vui sướng Saigon mà về ở chỗ quê mùa như vậy, chắc em sẽ buồn lắm. Saigon mất một gái xinh đẹp như em, Saigon cũng hết vui. Saigon sẽ trông đợi em. Vậy dẫu em được vui đạo vợ chồng, xin em cũng đừng quên Saigon »!

Thằng Hườn nói mấy lời này trước mặt mỗ.

Tuy nghe trái tai, song lúc ấy lộn xộn mỗ không chú ý đến cho lắm. Lăn lăn mỗ suy nghĩ lại rồi mỗ mới phát nghĩ. Mỗ nghĩ vợ mỗ có tình với Hườn, nhưng vì Hườn có vợ có con, không thể tính một cuộc trăm năm được nên vợ mỗ mới ưng mỗ. Nếu không có tình sao lúc ăn tiệc Hườn lại tiếc vợ mỗ, rồi lúc từ biệt nó lại nói kín rằng nó trông đợi vợ mỗ và xin vợ mỗ đừng quên nó.

Mỗ nghĩ trúng lắm. Từ ngày về ở với mỗ vợ mỗ không chịu xuống Saigon thương, vì nó sợ gặp tình nhờn rồi đau đớn hoặc hồ thẹn. Mà ở với mỗ thì nó cứ buồn bực bức rức, mỗ chắc : ó nhớ tình xưa nghĩa cũ. Phải lắm, có như vậy nên mỗ xin cưới thì chịu liền, có như vậy nên cho cưới mau dữ.

A ! Loài người già dối lắm, Trường ôi ! Nuôi tâm hồn theo tân thời, nên phong tục mới tồi bại như vậy đó. Trước kia cô Hạnh, sau này cô Lý, cả hai đều là gái tân thời... A ! Gái tân thời !... Trai tân tiến !... Mỗ sẽ cho bọn thất giáo này một bài học phong-hóa dặng chúng nó đổi trí sửa mình mà làm cho xã hội sạch sẽ lại mới được.

Mỗa đương sắp đặt bài học ấy đây. Đợi chừng mỗa đem ra mà dạy rồi toa sẽ biết... Ghê gớm lắm !..

Vợ chồng toa dự dự không dám đốc mỗa cười vợ, thiệt là cao kiển. Mỗa phục trí sáng của vợ chồng toa lắm.

Chúc mạnh giỏi luôn luôn và chúc vui vẻ chờ đưng rắc rối như mỗa là...

PHÚC

Cô Mỹ ngồi một bên mà chờ cô Lý đọc thơ. Cô liếc mắt ngó chừng, thì thấy cô Lý khi đọc khúc đầu cô chau mày xụ mặt, lần lần rồi cô biến sắc và ứa nước mắt.

Chừng đọc dứt rồi, cô Lý thở một hơi dài; cô cầm chắc bức thơ trong tay, miệng chúm-chím cười và nói : « Té ra tôi nghi lắm. May cho tôi lắm ».

Cô Mỹ cười mà đáp :

— Tôi biết hễ tôi trưng bằng cơ ra thì chị phải chịu phép. Bây giờ chị còn buồn rầu nữa thôi ?

— Tôi hết buồn rồi. Tôi được biết chồng tôi thương tôi, thì tôi còn có gì mà buồn nữa. Cha chả, mà anh Phúc coi tôi rẽ quá ! Anh nghi bậy, mà anh nói xấu cho tôi đáo đẽ, tôi nghi lại tôi hồ thẹn lắm chị.

— Đồn ông hễ họ bị lửa ghen phừng lên đốt ruột gan họ, thì họ như điên, còn biết phải quấy gì nữa đâu. Bởi thương nên mới ghen, xin chị đừng quên tâm lý ấy.

— Phải. Thương nên mới ghen .. Mà cũng tại thằng Huồn thất giáo đố, muốn làm mặt khôn lanh rồi nói bậy, nên mới có việc này. Hôm đám cưới, tôi nghe nó nói mấy lời vô lễ ấy, tôi muốn cho nó một bài học và xô nó trở lại địa vị của nó, ngặt vì ba tôi kéo nó lên xe, tôi nói không kịp.

— Thứ hình nộm có giáo dục gì mà giận nó.

— Vì nó mà hạnh phước gia-đình của tôi gần tan nát. Tôi sẽ trả thù.

— Bỏ đi, không nên tích ác. Bây giờ tôi hỏi chị vậy chờ chị đã thấy cái đường chị phải noi theo hay chưa ? Tôi khuyên chị phải quên sự anh Phúc nghi lắm mà nói xấu cho chị, đừng thêm nhớ tới. Chị phải để lòng thanh bạch bình tĩnh mà thương lại anh, thương cho hẳn hai như lúc ban đầu, đặt cái hạnh phước gia đình của chị hoàn toàn đầy đủ.

Cô Lý ngồi suy nghĩ một hồi rồi cô chảy nước mắt mà nói, chầm rãi :

— Bây giờ tôi biết chồng tôi buồn là vì ghen, chứ không phải vì nhớ cô Hạnh. Ngặt chứng bệnh ghen khó trị lắm. Nếu lửa ghen cứ ngùnng trong lòng hoài thì làm sao mà thương tôi được.

— Chị đừng lo về khoản đó. Đọc thơ của chị, biết rõ tình chị rồi thì làm sao mà ghen nữa cho được.

— Thơ đâu mà đọc ?

— Tôi có biếu anh Trường đưa cho anh Phúc coi.

— Chị làm như vậy hay sao ?

Chớ sao. Vợ chồng tôi lên đây là có ý đổi thơ cho chị với anh Phúc đọc đặng rõ biết lòng nhau rồi hết nghi nhau nữa.

— Anh Phúc gởi thơ hỏi nào tôi không hay ?

— Hai cái thơ tới một lượt. Vợ chồng tôi đọc rồi thì thấy rõ cái khối tình của chị với anh Phúc lớn lắm, vì tại thương nhau quá rồi sanh ghen, ghen rồi nghi quấy cho nhau, chứ không có chi lạ.

— Tôi sợ khối tình bẽ tan rồi thì khó hiệp lại lắm chị.

— Sẽ hiệp lại. Tôi chắc như vậy. Chị đừng g lo... Kia, anh Phúc với anh Trường đi kiếm mình kia. Để tôi hỏi coi anh Phúc hết thương chị hay sao mà chị sợ.

Thiệt quã Phúc với Trường đi ra gần tới nhà mát.

Cô Mỹ lật đật bước xuống than rồi đi đón rước hai người ấy và nói : « Anh Phúc còn nghi tình chị Lý nữa hay thôi ? Chỉ đọc thơ của anh rồi chỉ giận chỉ ngồi khóc nãy giờ đây »

Phúc không trả lời, bươn bả đi riết lên nhà mát.

Cô Mỹ vừa đi theo thì bị chồng nắm tay kéo lại rồi dắt đi, tẻ qua phía vườn trà.

Phúc thấy vợ đương ngồi bình tĩnh, sắc mặt buồn hiu, cặp mắt ướt ướt, thì kéo ghế ngồi khít một bên, rồi nắm tay vợ mà nói : « Qua xin em tha lỗi cho qua. Vì qua thương em quá nên nổi ghen, rồi nghi bậy, làm phạm đến danh giá trong sạch, tiết tháo cao thượng của em. Từ rày qua sẽ thương em bội phần, thương dư như vậy đặng đền bồi cái lợt lạt của qua mấy tuần nay. Em sẵn lòng tha lỗi cho qua hay không ? »

Cô Lý nhích miệng cười chúm chím, sắc mặt sáng lòa. Cô đưa bức thơ của Phúc lên mà ngo rồi xếp lại thúng thảng xé to xé nhỏ mà quần trước mặt.

Phúc thấy cử-chỉ ấy thì biết vợ đã hết phiền miên, nên hớn hỡ nói : « Phải. Em xé bức thơ khốn nạn của qua mà bỏ đi, để làm gì. Bức thơ của em mới đáng để dành. Qua để tro g

túi áo dây. Qua sẽ cắt kỹ để làm cái bùa trừ chứng bệnh của qua và để kỷ niệm sự tái sinh ái tình của vợ chồng ta. »

Cô Lý thở thoir trong lòng nên dựa đầu vào vai chồng. Phúc lấy khăn mu-soa mà lau nước mắt cho vợ.

Cô Lý bồi nhỏ nhỏ :

— Thiệt anh hết nghi tình em rồi hả ?

— Hết thiệt.

— Từ rày anh thương em hoàn toàn hả ?

— Qua thương em hoàn toàn không thiếu sót chút nào hết. Qua thương yêu em mà qua kính trọng em nữa... Qua không biết nói lời nào cho em tin bây giờ... À, qua xin ông Thần Ái-Tình của mình chứng minh giùm mấy lời qua nói với em đây.

— Anh có biết ông thần Ái tình của mình là ai hay không ? Anh Trường với chị Mỹ đồ.

— À, phải. Trước kia nhờ có vợ chồng Trường đôi ta mới gặp nhau. Bây giờ cũng nhờ có vợ chồng Trường đôi ta mới giải nghi được. Thiệt vợ chồng Trường là ông Tơ và bà Nguyệt của chúng ta. Để qua mời vô đây dâng qua tạ ơn.

Phúc đứng dậy rồi bước ra cửa kêu Trường om-sòm.

Vợ chồng Trường trở lại nhà mát. Trường lên than, thấy vợ chồng Phúc tươi cười thì hỏi : « Hết mưa rồi bây giờ tới nắng hả ? Còn nghi nhau nữa hay thôi ? »

Cô Lý cười mà đáp : « Hết nghi mà lại thương hơn hồi trước nữa ».

Trường nói : « Tốt lắm, tốt lắm. Tôi mừng cho hai ông bà ».

Phúc nói : « Vợ mỗ nó kêu vợ chồng ta là Thần Ái-tình. Vậy mỗ xin mời ông Thần với bà Thánh Ái tình vào đây dâng mỗ tạ ơn tác hiệp lương-duyên cho mỗ »

Cô Mỹ nghe mấy lời ấy thì cô cười ngất.

Trường nghiêm nét mặt, bước lại đứng giữa nhà mà nói lớn : « Ta nhận chức Thần Ái-tình. Vậy thiện nam tín nữ hãy lắng lắng mà nghe Thần Ái-tình mách bảo : Trong đạo vợ chồng phải lấy chữ tình với chữ tín mà làm gốc. Song có tình mà thiếu tín thì đạo vợ chồng không bền vững. Còn có tín mà thiếu tình thì niềm chồng vợ không nồng nàn. Vậy phải có đủ tình với tín thì hạnh-phước mới tràn trề, gia-dình mới đầm-ấm. Thiện-nam tín-nữ phải ghi nhớ mấy lời Thần dạy đó. Thần còn mách bảo thêm điều này nữa : Thần muốn giáng xuống trên cái miếu này mà phò hộ cho cặp vợ chồng của tên Phúc với thị Lý được hạnh phước trọn đời. Vậy từ rày phải

đặt tên cái miếu này là «Ái-tình miếu», trước miếu phải treo một tấm bảng đề ba chữ ấy cho lớn dựng thảo mộc chung quanh ngó thấy mà sùng bái Thần. Thôi, Thần thắng».

Cô Lý với cô Mỹ vỗ tay cười ngả ngớn

Phúc nói : «Tôi sẽ làm y theo ời Thần mách bảo. Tôi sẽ cất cái miếu này lại cho tốt đẹp. Trước tiên tôi sẽ treo tấm bảng «Ái-tình miếu» để kỷ niệm sự vợ chồng tôi thấu hiểu tâm hồn nhau, không còn nghi nhau chút nào hết».

Trường vỗ tay mà cười rồi rủ mấy người kia trở về nhà, song dặn đừng thổ lộ tâm sự của gia đình Phúc cho bà giáo hay, vì sợ bà hay rồi bà lo.

Vợ chồng Trường tỏ ý muốn về. Bà giáo Viên không cho, bà nói bà đã sắp đặt bữa cơm trưa rồi mà đãi khách. Vợ chồng Trường phải ở ăn cơm rồi mới về được.

Chứng ra xe mà về, cô Mỹ thấy chiếc xe của ông Thịnh thì cô hỏi cô Lý : «Chứng nào chị mời xuống Saigon. Xe còn chờ kia. Thôi, đi một lượt cho vui ».

Cô Lý liền kêu sếp phơ của cô mà nói : «Thôi, anh đem xe về đi. Anh thưa giùm lại với ông rằng vợ chồng tôi mắc co việc thịnh linh nên bữa nay về thăm ông chưa được. Để bữa nào đi được tôi cho hay rồi anh sẽ đem xe lên rước ».

Cô Mỹ hỏi cô Lý : «Sao chị không đi bữa nay ? Tôi muốn hai ông bà xuống Saigon dâng vợ chồng tôi làm tiệc ăn mừng».

Phúc rước mà đáp thế cho vợ : «Cám ơn chị. Để ít bữa nữa rảnh rồi chúng tôi sẽ xuống. Bây giờ vợ chồng tôi mắc lo bồi đắp nền gia đình lại cho rục rở vững chắc, nhất là mắc lo sùng tu «Ái tình miếu» nên đi chưa được».

Trường vỗ tay la lớn : «Gia đình vạn tuế !... Ái tình vạn tuế !»

Bốn người bắt tay từ giã nhau, người về toại lòng, kẻ ở mông nguyện.

CHUNG

Vĩnh-hội, Février 1941.

Autorisée par arrêté du Gouverneur Général

N° 500-N du 17 Juillet 1942

Imprimerie THẠNH MẬU
3, rue de Reims - Saigon

L'Administrateur Gérant
— HỒ VĂN KỶ-TRẦN —

